

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 – ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2025/HS-ST

Ngày 14 – 08 – 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – ĐỒNG NAI

Trong ngày 14 tháng 8 năm 2025 tại Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 65/2025/TLST-HS ngày 23 tháng 7 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2025/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 7 năm 2025 đối với bị cáo:

LÊ XUÂN Đ, sinh ngày 11/6/2007, tại Hà Tĩnh; Tên gọi khác: Không; Hộ khẩu thường trú: Thôn M, xã L, tỉnh Hà Tĩnh (địa chỉ cũ: Thôn M, xã L, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh); Nơi ở hiện nay: khu phố Đ, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh (địa chỉ cũ: khu phố Đ, phường H, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương); Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: Lớp 09/12; Con ông: Lê Xuân D, sinh năm 1986 (còn sống) và bà Trần Thị H, sinh năm 1987 (còn sống); Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt giam từ ngày 23/5/2025 sau đó chuyển tạm giam cho đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam khu vực Biên Hoà/Trại tạm giam số 1 tỉnh Đồng Nai theo lệnh giam của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai (có mặt).

Người bào chữa theo chỉ định cho bị cáo Lê Xuân Đ: Ông Nguyễn Doãn N, sinh năm 1970 – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ: Số H, đường B, phường B, tỉnh Đồng Nai (địa chỉ cũ: Số H, đường B, phường T, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai).

- Bị hại: Ông **Trần Văn N**, sinh năm 2002 (vắng mặt)

Địa chỉ thường trú: xã M, tỉnh Đắk Lắk (địa chỉ cũ: xã T, huyện H, tỉnh Phú Yên).

Nơi ở hiện tại: Khu phố H, phường L, tỉnh Đồng Nai (địa chỉ cũ: khu phố B, phường L, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Xuân Đ là người không có nghề nghiệp, để có tiền tiêu xài Đ nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Thực hiện ý định trên, vào khoảng 23 giờ 00 phút, ngày 19/3/2025, Đ cùng 01 đối tượng tên D (chưa rõ nhân thân) điều khiển xe moto (không rõ biển số) từ phường H, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương (nay là phường H, Thành phố Hồ Chí Minh) đến phường B, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (nay là phường B, tỉnh Đồng Nai) để tìm kiếm tài sản trộm cắp. Đến khoảng 00 giờ 05 phút ngày 20/3/2025, khi đi đến dãy nhà trọ (địa chỉ: số B, đường Lê Nguyên Đ, khu phố H, phường B, tỉnh Đồng Nai. Địa chỉ cũ: số B, đường Lê Nguyên Đ, khu phố B, phường B, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) thì phát hiện trước cửa phòng trọ số 07 có dựng 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius biển số 78B-043.47 của anh Trần Văn N (sinh năm 2002, ngụ xã T, huyện H, tỉnh Phú Yên. Nay là xã M, tỉnh Đắk Lắk), quan sát không thấy người trông coi nên Đ đứng ngoài cảnh giới, còn D đi vào bên trong, lén lút dắt chiếc xe trên ra ngoài rồi ngồi lên xe điều khiển để cho Đ đẩy phía sau tẩu thoát được khoảng 200m thì dừng lại cho D cắt đầu mở nguồn điện và nổ máy chiếc xe vừa trộm cắp được rồi cả hai đi về lại phường H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đến khoảng 07 giờ 00 phút, ngày 21/3/2025, Đ bàn bạc sẽ đưa cho D số tiền 3.000.000 đồng (*ba triệu đồng*) để Đ giữ lại chiếc xe trộm cắp được để sử dụng thì D đồng ý nên Đ đưa trước cho D số tiền 1.400.000 đồng (*một triệu bốn trăm nghìn đồng*). Đến ngày 23/3/2025, khi Đ đang điều khiển chiếc xe trên đi chơi thì bị Công an phường Khánh Bình, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (nay là phường Tân Hiệp, Thành phố Hồ Chí Minh) kiểm tra, phát hiện hành vi trộm cắp nêu trên nên Công an phường Tân Hiệp lập hồ sơ chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai khởi tố điều tra xử lý.

Quá trình điều tra, bị cáo và những người tham gia tố tụng trong vụ án khai nhận như Cáo trạng mô tả.

Về vật chứng:

- 01 (*một*) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius biển số 78B-043.47, tạm giữ của bị cáo Đ, là tài sản của anh Trần Văn N bị trộm cắp nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Nghĩa.

- 01 (*một*) USB bên trong chứa file video ghi lại hình ảnh liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo Đ. Lưu kèm hồ sơ vụ án.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 41/KL-HĐĐGTS ngày 11 tháng 4 năm

2025 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự kết luận: “01 (một) xe mô tô biển số 78B1-043.37 có trị giá 8.000.000 đồng (tám triệu đồng)”.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là ông Trần Văn N đã nhận lại được tài sản bị trộm cắp và không yêu cầu bồi thường.

Tại bản Cáo trạng số: 47/CT-VKSKV1 ngày 21 tháng 7 năm 2025 của Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai đã truy tố bị cáo Lê Xuân Đ về tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị:

- Tuyên bị cáo Lê Xuân Đ phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có. Về tình tiết giảm nhẹ tại phiên tòa bị cáo Lê Xuân Đ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, cần phải xem xét tình tiết: bị cáo phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi (17 tuổi 09 tháng 09 ngày) nên cần xem xét áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 119 Luật tư pháp người chưa thành niên (Mức phạt cao nhất không quá 3/5 mức phạt tù Điều luật quy định). Đề nghị xử phạt bị cáo từ 06 (sáu) tháng đến 08 (tám) tháng tù.

- Về phần dân sự: Tài sản bị chiếm đoạt đã được thu hồi trả lại, bị hại không yêu cầu bồi thường nên không đặt ra giải quyết.

- Về vật chứng vụ án: Đã được xử lý xong trong giai đoạn điều tra, đảm bảo đúng quy định pháp luật nên không tiếp tục đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Buộc bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Đối với đối tượng tên D (không rõ nhân thân, lai lịch) là đối tượng có dấu hiệu đồng phạm trong vụ án, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau.

* *Người bào chữa cho bị cáo Lê Xuân Đ:*

- *Về tội danh:* Đồng ý về tội danh và điều Luật áp dụng mà Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai đã truy tố Lê Xuân Đ về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- *Về hình phạt:* Vị đại diện Viện kiểm sát đề xuất áp dụng hình phạt đối với bị cáo mức hình phạt tù có thời hạn từ 06 (sáu) tháng đến 08 (tám) tháng tù là quá nặng so với tính chất, mức độ, hành vi của bị cáo do bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp chiếc xe moto nhãn hiệu Yamaha Siriru biển số 78B1-043.47 của anh Trần Văn N với vai trò giúp sức và mang tính chất bộc phát theo sự rủ rê của đối tượng tên D (không rõ lai lịch đang được cơ quan cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Đồng Nai xác minh làm rõ). Giá trị chiếc xe moto nhãn hiệu Yamaha Siriru biển số 78B1-043.47 của anh Trần Văn N theo bản kết luận định giá tài sản số 41/KL-HĐĐGTS ngày 11/04/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự là

8.000.000 đồng (tám triệu đồng) đã được Cơ quan chức năng thu hồi trả lại cho người bị hại và người bị hại là anh Trần Văn N không yêu cầu bồi thường gì thêm. Khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nêu trên bị cáo Đ được 17 tuổi 09 tháng 09 ngày, ở lứa tuổi trẻ em vị thành niên thường có tâm lý ham chơi, không làm chủ được bản thân, nghe theo sự rủ rê của bạn bè, vai trò bị cáo là thứ yếu, bị cáo bị hạn chế về nhận thức pháp luật nên bị cáo Đ chưa nhận thấy được hậu quả của bị cáo gây ra đối với người bị hại và tác động xấu đến xã hội.

Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: bị cáo Lê Xuân Đ có nhân thân tốt, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tài sản trộm cắp có giá trị không lớn và đã được thu hồi trả lại cho bị hại; đồng thời bị cáo Đ thực hiện hành vi phạm pháp luật ở độ tuổi trẻ vị thành niên từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi. Do đó, kính mong Hội đồng xét xử xem xét cân nhắc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 91, Điều 101 Bộ luật hình sự sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 119 Luật người chưa thành niên để cân nhắc xử phạt bị cáo Lê Xuân Đ với mức án thấp nhất. Nhằm thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với trẻ em vị thành niên phạm tội, với mục đích giáo dục, giúp bị cáo Lê Xuân Đ nhận thấy hành vi sai trái của mình, tự sửa chữa và trở thành người công dân tốt cho xã hội.

* Đại diện Viện Kiểm sát tranh luận với người bào chữa cho bị cáo Lê Xuân Đ: Đã cân nhắc và xem xét các tình tiết giảm nhẹ của bị cáo, lời khai tại hồ sơ là lời khai một phía của bị cáo do chưa xác định được đối tượng tên D nên không thể xác định vai trò của bị cáo. Viện kiểm sát bảo lưu ý kiến.

* Người bào chữa cho bị cáo Lê Xuân Đ: Bảo lưu quan điểm.

Bị cáo Lê Xuân Đ không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát và lời nói sau cùng bị cáo: Thưa Hội đồng xét xử, trong thời gian tạm giam tạm giữ, bị cáo biết hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật. Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để sớm trở về với xã hội và làm lại cuộc đời.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo, lời khai của những người tham gia tố tụng khác có trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[2] Bị hại vắng mặt không lý do. Xét thấy tại hồ sơ ông Trần Văn N đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường nên việc vắng mặt của bị hại không ảnh hưởng đến nội dung vụ án. Căn cứ vào Điều 292 Bộ luật Tố tụng Hình sự, Hội

đồng xét xử vắng mặt bị hại.

[3] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với bản tự khai, biên bản lấy lời khai của bị hại, vật chứng, kết quả định giá tài sản. Qua đó, đã có đủ cơ sở để xác định: Vào khoảng 00 giờ 05 phút ngày 20 tháng 3 năm 2025, tại khu vực phòng trọ số 07 thuộc dãy nhà trọ địa chỉ: số B, đường Lê Nguyên Đ, khu phố 29, phường B, tỉnh Đồng Nai (địa chỉ cũ: số B, đường Lê Nguyên Đ, khu phố B, phường B, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai), Lê Xuân Đ cùng đối tượng tên D (không rõ nhân thân, lai lịch) đã có hành vi trộm cắp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển số 78B-043.47, trị giá 8.000.000 đồng (*tám triệu đồng*) của anh Trần Văn N thì bị Công an phường Tân Hiệp lập hồ sơ chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai khởi tố điều tra xử lý. Hành vi nêu trên của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản hợp pháp của bị hại và đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[4] Xét nhân thân bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì thấy: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng, trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, bị cáo Lê Xuân Đ khi thực hiện hành vi phạm tội chưa đủ 18 tuổi (17 tuổi 09 tháng 09 ngày) nên cần áp dụng Khoản 1 Điều 119 Luật người chưa thành niên khi lượng hình.

[5] Về xử lý vật chứng:

- 01 (*một*) chiếc xe moto nhãn hiệu Yamaha Sirius biển số 78B-043.47, tạm giữ của bị cáo Đ, là tài sản của anh Trần Văn N bị trộm cắp nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Nghĩa.

- 01 (*một*) USB bên trong chứa file video ghi lại hình ảnh liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo Đ. Lưu kèm hồ sơ vụ án.

[6] Về án phí: Buộc bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đối với đối tượng tên D (không rõ nhân thân, lai lịch) là đối tượng có dấu hiệu đồng phạm trong vụ án, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau.

[7] Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo Lê Xuân Đ: Mức hình phạt mà Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai đề nghị áp dụng hình phạt đối với bị cáo mức hình phạt tù có thời hạn từ 06 (*sáu*) tháng đến 08 (*tám*) tháng tù là nặng so với tính chất, mức độ, hành vi của bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử nên cân nhắc xem xét giảm nhẹ hơn nữa so với mức đề nghị của Vị đại diện Viện Kiểm sát với mức án thấp nhất có thể cho bị cáo với lý do: bị cáo phạm tội chưa đủ 18 tuổi, bị cáo phạm tội do bộc phát, bị rủ rê và có vai trò thứ yếu, có nhiều

tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 91 và Điều 101 Bộ luật Hình sự, Điều 119 Luật người chưa thành niên để có một phán quyết vừa đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật vừa bảo đảm lợi ích tốt nhất của người dưới 18 tuổi và chủ yếu nhằm mục đích giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh, trở thành công dân có ích cho xã hội. Trong hồ sơ chỉ có lời khai của bị cáo Đ, chưa có lời khai của đối tượng Danh nên không thể xác định bị cáo có vai trò thứ yếu nhưng phần trình bày của người bào chữa cho bị cáo Lê Xuân Đ. Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo Lê Xuân Đ phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận một phần.

[8] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Xuân Đ phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Căn cứ khoản 1, Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 91 và Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017; Căn cứ khoản 1 Điều 119 Luật tư pháp người chưa thành niên;

Xử phạt: Bị cáo Lê Xuân Đ 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23/5/2025.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 23, 26 và 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo đối với Bản án: Báo cho bị cáo, bị hại biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày. Người có mặt thời hạn tính từ ngày tuyên án, người vắng mặt thời hạn tính từ ngày nhận bản án, hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND khu vực 1 – Đồng Nai;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai;
- Phân trại tạm giam khu vực Biên Hòa/Trại tạm giam khu vực 1 – Đồng Nai;
- Bị cáo; những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HS, THS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký**

Lê Hồng Ngọc

